

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính;
2. Ông Lê Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1982

ĐKKHKT: Số nhà 409 đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: SN 03/3 tiểu khu 2, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá N - sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 409 đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 7 năm 2003. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại gia đình nhà chồng ở số nhà 409 đường N, phường Đ, thành phố T. Quá trình vợ chồng

chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra va chạm. Đỉnh điểm của mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 31/12/2003. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Tuy nhiên, tại thời điểm mở phiên tòa, cháu Q đã thành niên, ở với ai là quyền của cháu nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, anh Nguyễn Bá N trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh N trình bày thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh N, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 do bất đồng trong quan điểm sống. Chị H đã nhiều lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó được Tòa án khuyên giải nên đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị H một lần nữa khởi kiện xin ly hôn đối với anh, quan điểm của anh N là không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 31/12/2003. Hiện nay, cháu Q đã thành niên nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Bá N theo quy định của pháp luật, đồng thời gọi điện thông báo thời gian mở các phiên hòa giải cho anh N. Tuy nhiên, anh N không đến Tòa làm việc, cũng không có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Quá trình vợ chồng chị H và anh N sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, hơn nữa kinh tế vợ chồng gặp khó khăn nên vợ chồng xảy ra va chạm. Từ năm tháng 9 năm 2021, chị H không sinh sống tại địa phương nữa. Anh chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 31/12/2003. Nay chị H làm đơn khởi kiện ly hôn anh N, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, anh N vắng mặt không có lý do chính đáng, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: cháu Nguyễn Bá Minh Q đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt là đã vi phạm nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình của anh chị cũng thể hiện giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ tháng 09/2021 cho đến nay. Chị H đề nghị được ly hôn đối với anh N, ý kiến của anh N không đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo nhiều lần cho anh N đến để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa, nhưng anh N không đến. Điều đó cho thấy anh N bỏ mặc tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng và không có thiện chí hòa giải. Anh N cũng thừa nhận trong bản tự khai, do mâu thuẫn, chị H đã nhiều lần làm đơn ly hôn đến Tòa án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã kéo dài nhiều năm nay. Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị H được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu: Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 31/12/2003. Tại thời điểm mở phiên tòa, cháu Q đã thành niên nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Bá N.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu: Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 31/12/2003. Cháu Q đã thành niên nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001531 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (Chị H đã nộp đủ án phí).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND phường Đ, TP. Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh